

Some Factors Affecting Students' Academic Achievement: a Study at Nong Lam University Ho Chi Minh City

Van Cong Nhan Ho^{ID}, Van-Viet Vo^{*ID}, Trung Chanh Huynh
Nong Lam University – Ho Chi Minh City, Vietnam

*Corresponding author. Email: vvviet@hcmuaf.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: 10/03/2023
Revised: 31/03/2023
Accepted: 23/06/2023
Published: 28/02/2024

KEYWORDS

Student;
Learning outcome;
Academic achievement;
Factors affected;
Teaching facilities.

ABSTRACT

This study was conducted to identify and evaluate the factors affecting the academic achievement of students at Nong Lam University - Ho Chi Minh City. A quantitative study design was applied. Primary data was collected through questionnaire survey method. There were 855 students, selected by convenience sampling technique, who voluntarily agreed to participate in the study. Research data was processed by descriptive statistics and inferential statistics on the statistical software SPSS 22.0 to answer the research questions. Descriptive statistics such as frequency, mean, standard deviation, and percentage were used to describe the study data. Research results show that the factors related to lecturers and facilities are assessed by students as good and meet teaching requirements. In addition, the analysis shows that there is a strong correlation between faculty factors and student achievement. There was no statistically significant difference between parents' marital status, parents' education level, family economy, and academic performance.

Một Số Yếu Tố Ảnh Hưởng Đến Thành Tích Học Tập của Sinh Viên: Nghiên Cứu tại trường Đại Học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

Hồ Văn Công Nhân^{ID}, Võ Văn Việt^{*ID}, Huỳnh Trung Chánh
Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ. Email: vvviet@hcmuaf.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 10/03/2023
Ngày hoàn thiện: 31/03/2023
Ngày chấp nhận đăng: 23/06/2023
Ngày đăng: 28/02/2024

TỪ KHÓA

Sinh viên;
Kết quả học tập;
Thành tích học tập;
Các yếu tố ảnh hưởng;
Cơ sở vật chất.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thành tích học tập của sinh viên trường Đại học Nông Lâm TP.HCM. Thiết kế nghiên cứu định lượng đã được áp dụng. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Có 855 sinh viên, được lựa chọn bằng kỹ thuật chọn mẫu thuận tiện, đã đồng ý tự nguyện tham gia nghiên cứu. Các đại lượng thống kê mô tả như tần số, trung bình, độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm đã được sử dụng để mô tả dữ liệu nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố liên quan đến giảng viên và cơ sở vật chất được sinh viên đánh giá mức độ tốt và đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Ngoài ra, phân tích cho thấy có mối tương quan mạnh giữa yếu tố giảng viên và kết quả học tập của sinh viên. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa tình trạng hôn nhân của ba mẹ, trình độ học vấn của ba mẹ, kinh tế gia đình và kết quả học tập.

DOI: <https://doi.org/10.54644/jte.2024.1360>

Copyright © JTE. This is an open access article distributed under the terms and conditions of the [Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International License](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/) which permits unrestricted use, distribution, and reproduction in any medium for non-commercial purpose, provided the original work is properly cited.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hiện nay, công tác nâng cao chất lượng đào tạo đại học nhằm cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xã hội luôn được các trường đại học nước ta quan tâm và xem đó là vấn đề cấp bách. Nguồn nhân lực có chất lượng cao đóng vai trò rất quan trọng quá trình phát triển kinh tế và xã hội của đất nước. Các giải pháp đổi mới chương trình, nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy,

phương pháp đánh giá đã được các trường không ngừng đẩy mạnh nhằm cải thiện và nâng cao thành tích học tập của sinh viên. Bởi vì kết quả học tập là một tiêu chí quan trọng để đánh giá quá trình học tập lâu dài của sinh viên và chất lượng đào tạo của các trường. Theo Beno [1] kết quả học tập là phương tiện chính để đánh giá và đảm bảo chất lượng trong giáo dục. Để đánh giá lại quá trình giáo dục cũng như quá trình học tập của hệ thống giáo dục và mỗi cá nhân, kết quả học tập tái hiện lại rõ nhất quá trình học tập và rèn luyện, giúp mỗi cá nhân nhìn nhận lại quá trình học tập của bản thân. Thực tế hiện nay cho thấy, thành tích học tập tốt đó là một lợi thế của người học, đáp ứng các yêu cầu tuyển dụng ngày càng cao của các nhà tuyển dụng.

Trong bối cảnh, các trường đại học đẩy mạnh các giải pháp để nâng cao thành tích học tập của sinh viên thì rất cần cơ sở thực tiễn để có giải pháp phù hợp trong hoạt động của từng đơn vị. Vì một số nghiên cứu cho thấy rằng thành tích học tập bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau không chỉ đơn thuần là bởi các yếu tố như phương pháp giảng dạy hay đánh giá. Theo Farooq [2], những yếu tố liên quan đến bản thân người học gọi là nhóm yếu tố bên trong và những yếu tố mà người học không kiểm soát được gọi là yếu tố bên ngoài. Cả hai nhóm này đều có yếu tố ảnh hưởng đến thành tích của người học. Nguyễn Thị Thu An [3] chỉ rõ mức độ ảnh hưởng của từng nhóm: nhóm yếu tố thuộc bản thân sinh viên và nhóm yếu tố thuộc về giảng viên, trong đó yếu tố thuộc về bản thân sinh viên gồm: động cơ học tập và kiến thức thu nhận có ảnh hưởng đến kết quả học tập cao hơn nhân tố thuộc về năng lực giảng viên. Và thực tế cho thấy, sinh viên tham gia học tập tại các trường đại học nói chung và Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng với chất lượng đầu vào, hoàn cảnh cá nhân có nhiều khác biệt và điều kiện học tập không giống nhau thì các yếu tố ảnh hưởng đến thành tích học tập cũng có thể có sự khác nhau.

Với sự quan tâm đặc biệt về chất lượng giáo dục đại học, việc đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá nhằm nâng cao thành tích học tập của sinh viên đã và đang được triển khai mạnh mẽ trong hoạt động đào tạo tại Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành sẽ có đóng góp rất ý nghĩa cho công tác đào tạo của nhà trường. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thành tích học tập của sinh viên và từ đó đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm nâng cao thành tích học tập của sinh viên Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tổng quan

2.1. Khái niệm về thành tích học tập

Thành tích học tập được định nghĩa là cái nhìn chủ quan của người học về điểm số của mình, được thể hiện bằng các từ như xuất sắc, rất tốt, tốt, khá, kém. Các nước trên thế giới bao gồm cả Việt Nam áp dụng phổ biến điểm trung bình chung tích lũy (GPA) để đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Thành tích học tập là kết quả của giáo dục, mức độ mà sinh viên, giảng viên hoặc cơ sở giáo dục đã đạt được các mục tiêu giáo dục của họ [4]. Thành tích của sinh viên trong các trường đại học là một trong những tiêu chí quan trọng được các nhà tuyển dụng xem xét. Theo Nguyễn Thị Thu An và ctv [3] thì kết quả học tập của sinh viên là sự phản ánh quá trình học tập, rèn luyện của sinh viên trên giảng đường đại học.

Trong nghiên cứu hiện tại, thành tích học tập được đo bằng điểm trung bình của sinh viên. Điểm trung bình (GPA) là một chỉ số thường được các cơ sở giáo dục sử dụng để đánh giá kết quả học tập. Việc này có quy định cụ thể theo quy chế đào tạo đại học hiện hành và theo đó nhà trường sẽ căn cứ vào kết quả của các học phần, các tiêu chí trong quy định để đánh giá kết quả sau từng học kỳ, năm học cụ thể cho người học. Điểm trung bình ngụ ý rằng, điểm càng cao, sinh viên có thành tích học tập càng tốt. Vì lý do này, điểm trung bình sẽ là thước đo tốt để đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

2.2. Các yếu tố có thể có ảnh hưởng đến kết quả học tập của người học

Chủ đề thành tích học tập được rất nhiều tác giả trên thế giới nghiên cứu. Thành tích học tập hay kết quả học tập phản ánh trình độ nhận thức, kỹ năng trong quá trình học tập của người học tại trường, thành tích học tập cũng cho thấy được chất lượng đào tạo của nhà trường có tốt hay không. Hầu hết các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng thành tích của người học có thể được coi là sản phẩm của các yếu tố

môi trường, xã hội, kinh tế, tâm lý và cá nhân [5]. Có rất nhiều nghiên cứu được thực hiện về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của người học ở các cấp học khác nhau. Tuy nhiên, các kết quả dường như rất khác nhau về phạm vi nghiên cứu và các yếu tố được xem xét. Nhiều tác giả quan tâm đến một nhóm các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học. Một số khác lại tập trung vào một yếu tố riêng lẻ.

Khan [6] đã cho thấy rằng có 4 yếu tố gồm hệ thống kiểm tra, kích cỡ gia đình, hỗ trợ âm thanh trực quan trong phòng học và điều kiện sống của sinh viên có ảnh hưởng đáng kể đến thành tích học tập của sinh viên. Trong các yếu tố này, có 3 yếu tố tích cực có liên quan đến thành tích sinh viên là kích cỡ gia đình, thiết bị nghe nhìn trực quan trong phòng học và điều kiện sinh hoạt không tốt của sinh viên có ảnh hưởng tiêu cực đến thành tích học tập. Theo Kim [7] thì có hai yếu tố quan trọng tác động đến thành tích của người học là sự tương tác cùng giảng viên và tự học. Dù vậy, sự tương tác trong quá trình học với giảng viên tác động đáng kể đến kết quả một cách trực tiếp mà có tác động thông qua khả năng tự học. Vai trò của sự giao tiếp với giảng viên tác động đến thành tích của người học cũng được mô tả trong nhiều nghiên cứu khác. Mushtaq và ctv [8] nhận thấy giao tiếp, phương tiện học tập, hướng dẫn thích hợp có mối quan hệ tích cực với kết quả học tập của người học trong khi căng thẳng gia đình là 1 yếu tố có tác động theo hướng ngược lại. Còn nghiên cứu của Asif và Safdar [9] thì kết luận rằng tất cả các biến liên quan đến trình độ học vấn (học vấn của cha, mẹ, chị/em và thầy/cô) có liên quan tích cực với kết quả học tập của người học.

Những năm gần đây, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các yếu tố bên ngoài và bên trong có ảnh hưởng đến kết quả học tập của người học như phương tiện học tập, môi trường lớp học, tính phức tạp của tài liệu khóa học, vai trò của giáo viên trong lớp học, công nghệ được sử dụng trong lớp học, các hoạt động ngoại khóa [10]. Alshammari và ctv [11] cũng kết luận rằng cả bốn yếu tố: cá nhân sinh viên, trường học, gia đình và giáo viên đều có ảnh hưởng sâu rộng đến kết quả học tập của sinh viên. Nghiên cứu của Dalzell và ctv [12] nhận thấy rằng việc đến lớp học đầy đủ cũng ảnh hưởng đáng kể đến kết quả học tập của người học. Hay nghiên cứu của Mushtaq và ctv [8] cũng có kết rằng tất cả các bốn yếu tố gồm người học, trường học, gia đình và giáo viên đều có ảnh hưởng tích cực đáng kể đến kết quả học tập. Trong đó, yếu tố liên quan đến giáo viên có ảnh hưởng cao nhất đến kết quả học tập. Mahmud và ctv [13] cũng đã xác nhận rằng những sinh viên tham gia lớp học thường xuyên có điểm trung bình cao hơn 4 điểm so với những sinh viên không thường xuyên đến lớp. Mặc dù việc tham gia lớp học không đảm bảo thành công, nhưng nó có thể nâng cao xác suất thành công trong học tập. Ở Việt Nam, nghiên cứu của Nguyễn Công Toàn và ctv [14] cho thấy, kết quả học tập chịu tác động bởi 4 yếu tố gồm: giới tính, thời gian tự học, số buổi nghỉ học trong học kỳ, nguồn tài liệu từ giảng viên. Trong đó, có 2 yếu tố là thời gian dành cho hoạt động tự học của sinh viên và tài liệu giảng viên cung cấp có tương quan thuận với kết quả học tập, 2 yếu tố còn lại tương quan nghịch với kết quả học tập của sinh viên [15].

Tóm lại, những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên đã nhận được sự quan tâm đáng kể của các nhà nghiên cứu, và nó vẫn còn tiếp tục là một chủ đề đầy hấp dẫn. Kết quả học tập của sinh viên thường được xem là sản phẩm của các yếu tố kinh tế xã hội, tâm lý và môi trường. Do đó, các yếu tố này sẽ khác nhau giữa các môi trường kinh tế xã hội, các quốc gia, khu vực, tổ chức giáo dục hay bối cảnh khác nhau. Các nghiên cứu được tổng quan ở trên đã liệt kê các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Sử dụng nghiên cứu trước đó làm tài liệu tham khảo, các yếu tố được lựa chọn cho nghiên cứu này dựa trên tính phù hợp của nghiên cứu. Ba tiêu chí chính là giảng viên, các yếu tố liên quan đến gia đình, yếu tố liên quan đến nhà trường.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tiếp cận nghiên cứu định lượng. Phương pháp điều tra là phương pháp chính dùng để thu thập thông tin sơ cấp của đề tài. Một bảng câu hỏi được thiết kế để làm công cụ khảo sát. Bảng câu hỏi bao gồm 2 phần, phần thứ nhất là nhằm mục đích thu thập các thông tin về nhân khẩu học, phần thứ hai thu thập thông tin tự đánh giá của sinh viên về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Dữ liệu điều tra từ bảng câu hỏi sẽ được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy luận trên cơ sở sử dụng phần mềm thống kê SPSS 22.0 để trả lời các câu hỏi nghiên cứu.

3.1. Công cụ điều tra (thang đo):

Để thu thập dữ liệu, bảng câu hỏi được xây dựng dựa trên cơ sở lý thuyết và các kết quả nghiên cứu thực tiễn về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Bảng câu hỏi được chia thành các phần bao gồm thông tin cá nhân chẳng hạn như giới tính của người học, trình độ học vấn của cha mẹ, nghề nghiệp của cha mẹ và tình trạng kinh tế xã hội, câu hỏi về các biến độc lập và biến phụ thuộc kết quả học tập.

Bảng câu hỏi đã được thiết kế căn cứ vào cơ sở lý luận và dựa vào các bảng nghiên cứu đã có. Bảng câu hỏi chính thức được sử dụng cho nghiên cứu gồm 2 phần, phần 1 là thông tin về nhân khẩu học (yếu tố về gia đình), phần 2 có 3 thang đo (scales), đo lường các nhóm yếu tố như: giảng viên (9 phát biểu) và cơ sở vật chất (10 phát biểu). Mỗi phát biểu chỉ chọn 1 phương án trả lời. Với quy ước như sau: ① rất không đồng ý; ② Không đồng ý; ③ Bình thường/trung lập, ④ Đồng ý; ⑤ Rất đồng ý.

3.2. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Tính giá trị/độ chuẩn xác (validity) của bảng câu hỏi được đánh bằng cách tham khảo ý kiến của chuyên gia, người có chuyên môn. Độ tin cậy của thang đo được đánh giá bằng phương pháp nhất quán nội tại qua hệ số Cronbach's Alpha. Đồng thời cần xem xét hệ số tương quan giữa biến-tổng (nhỏ hơn 0,3) để làm căn cứ loại các biến ít đóng góp cho khái niệm cần đo và thang đo được chọn phải có độ tin cậy Alpha lớn hơn 0,6. Nếu các khái niệm nghiên cứu không mới thì thang đo có giá trị của Alpha lớn hơn 0,8 là dùng tốt và từ 0,7 đến 0,8 là dùng được [15], [16], [17]. Kết quả đánh giá độ tin cậy thang đo sử dụng trong đề tài đều có giá trị Cronbach's Alpha lớn hơn 0,8 (cụ thể, hệ số độ tin cậy của các thang đo giảng viên và cơ sở vật chất lần lượt là 0.859 và 0,92), cho thấy thang đo được thiết kế đo lường tốt các khái niệm dùng trong nghiên cứu.

3.3. Tổng thể và mẫu nghiên cứu

Tổng thể của nghiên cứu là toàn bộ sinh viên đại học chính quy đang theo học tại Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. Mẫu được lựa chọn theo phương pháp thuận tiện. Thời gian thu thập dữ liệu từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 5 năm 2022.

3.4. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu khảo sát được mã hóa và nhập vào phần mềm thống kê SPSS phiên bản 22.0 để phục vụ cho việc phân tích thống kê. Các phát biểu đảo/ngịch (*Giảng viên yêu cầu học thuộc lòng quá nhiều*, *Giảng viên thường xuyên bỏ giờ dạy*, *Giảng viên thường xuyên đến lớp muộn*) được mã hóa lại trước khi phân tích. Dữ liệu nghiên cứu đã được thống kê mô tả và thống kê suy luận để trả lời các câu hỏi nghiên cứu. Các đại lượng thống kê mô tả như tần số, trung bình, độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm đã được sử dụng để mô tả dữ liệu nghiên cứu.

Hiện tại có hai phép đánh giá trung bình theo thang đo Likert được sử dụng phổ biến đó là dựa theo quy tắc làm tròn toán học và dựa theo giá trị khoảng cách. Trong nghiên cứu này, để phân tích ý nghĩa của các giá trị trung bình các tác giả thống nhất sử dụng quy tắc làm tròn toán học. Theo nguyên tắc toán học, chúng ta sẽ xác định mức giá trị của thang đo Likert dựa trên giá trị trung bình sau khi làm tròn tới số nguyên đầu tiên gần nó nhất [18]. Cụ thể, nếu giá trị trung bình nằm trong khoảng từ 1.00 đến 1.49 thì ta sẽ xem như đó là mức giá trị "Rất không đồng ý" (làm tròn thành 1). Tương tự, nếu giá trị trung bình nằm trong khoảng từ 1.50 đến 2.49 thì ta sẽ xem như đó là mức giá trị "Không đồng ý" (làm tròn thành 2), và tiếp tục cho các mức giá trị khác như trong sau: 2.50 – 3.49 (làm tròn thành 3) xem như đó là mức giá trị "Bình thường/trung lập", 3.50 – 4.49 (làm tròn thành 4) xem như đó là mức giá trị "Đồng ý", 4.50 – 5.00 (làm tròn thành 5) xem như đó là mức giá trị "Rất đồng ý". Với cách làm này, chúng ta có thể xác định được mức độ đồng ý hay không đồng ý của người tham gia dựa trên giá trị trung bình của họ trong các bảng đánh giá theo thước đo Likert. Sau đó, hai mức giá trị đầu tiên là "Rất không đồng ý" và "không đồng ý" có hàm ý chưa tốt được nhóm lại thành một nhóm với ý nghĩa "chưa đáp ứng yêu cầu", hai nhóm giá trị "đồng ý" và "rất đồng ý" có hàm ý tốt được nhóm lại thành một nhóm với ý nghĩa "đáp ứng tốt yêu cầu", chi tiết như sau.

Giá trị trung bình	Ý nghĩa đối với thang đo giảng viên	Ý nghĩa đối với thang đo cơ sở vật chất
1-2.49	Giảng viên chưa đáp ứng yêu cầu	Cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu
2.5-3.49	Bình thường, cần cải thiện thêm	Bình thường, cần cải thiện thêm
3.5-5.00	Giảng viên đáp ứng tốt yêu cầu	Cơ sở vật chất đáp ứng tốt yêu cầu

Việc phân tích dữ liệu giá trị trung bình ở 3 mức độ thay vì 5 mức độ được áp dụng để tập trung vào các mức độ quan trọng hơn, giảm nhiễu và giúp hiểu rõ hơn về sự phân bố của các phản hồi.

Các hệ số tương quan được sử dụng để đo lường tương quan giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc. Hệ số tương quan là chỉ số thống kê đo lường mức độ mạnh yếu của mối quan hệ giữa hai biến số. Tương quan Pearson đã được sử dụng để đo lường mối quan hệ giữa các biến.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thông tin cơ bản của mẫu nghiên cứu

Tổng số 855 sinh viên đã tham gia vào nghiên cứu này, trong đó có 365 nam (42,7%), 490 nữ (57,3%). Kết quả thống kê về nơi ở cho thấy rằng có 639 (74,7%) sinh viên đang ở ký túc xá, có 216 sinh viên (25,3%) sinh viên ở các khu trọ bên ngoài trường hoặc ở nhà bố mẹ, người thân. Có 306 sinh viên (35,8%) có hộ khẩu ở thành thị và 549 (64,2%) sinh viên có hộ khẩu ở nông thôn. Về thành tích học tập, số lượng sinh viên có học lực đạt loại xuất sắc ở mức thấp, chỉ có 23 sinh viên (2,7%); tỷ lệ sinh viên có học lực giỏi là 136 (15,9%); 353 (41,3%) sinh viên có học lực ở mức khá; có 80 sinh viên (9,4%) có học lực ở mức trung bình khá, 204 sinh viên (23,9%) có học lực đạt loại trung bình; 59 (6,9%) xếp loại dưới trung bình.

Thông tin nhân khẩu học về trình độ học vấn của ba mẹ sinh viên cho thấy, nhóm sinh viên có ba mẹ có trình độ học vấn ở mức hoàn thành trung học cơ sở và tiểu học chiếm một nửa số lượng ý kiến khảo sát, cụ thể, sinh viên có ba mẹ có trình độ học vấn ở mức hoàn thành trung học cơ sở và tiểu học là 424 (49,6%) và sinh viên có mẹ có trình độ học vấn ở mức hoàn thành trung học cơ sở và tiểu học 554 (64,8%); ở trình độ đã hoàn thành THPT có sự chênh lệch khá lớn giữa trình độ của ba mẹ sinh viên tương ứng là 264 (30,9%) và 160 (18,7%); trình độ đại học/cao đẳng giữa ba mẹ của các sinh viên khá tương đồng lần lượt ở mức 12,7% và 10,4%; chỉ có 31 (3,6%) sinh viên có ba mẹ đạt trình độ học vấn sau đại học và 24 (2,8%) có mẹ đạt trình độ học vấn sau đại học. Tuy nhiên cũng có một tỷ lệ thấp ba mẹ sinh viên không đi học/mù chữ (lần lượt là 3,2% và 3,3%).

Về tình trạng hôn nhân của ba mẹ, đa phần sinh viên có ba mẹ đang sống cùng nhau (86,2%); tỷ lệ sinh viên có ba mẹ ly thân, ly dị chiếm tỷ lệ nhỏ (1,5% và 6,2%); và tỷ lệ sinh viên có ba hoặc mẹ đã mất hoặc cả hai đã mất cũng chiếm tỷ lệ nhỏ (5,7% và 0,4%). Bên cạnh đó, khảo sát về việc sinh viên sống cùng ai cho thấy, phần lớn sinh viên sống chung với cả ba và mẹ (649 sinh viên, 75,9%); 11,9% sống cùng ba hoặc mẹ; 10,5% sống cùng những người thân khác; chỉ có 1,6% sinh viên sống cùng ông/bà.

Về điều kiện kinh tế của gia đình, phần lớn gia đình sinh viên (542 sinh viên, chiếm 63,4%) có mức thu nhập trung bình; mức thu nhập trên trung bình/khá chiếm 27,3%; mức thu nhập thấp/hộ nghèo, cận nghèo chiếm 8,4%; chỉ có 0,9% gia đình sinh viên có mức thu nhập cao/hộ giàu.

4.2 Đánh giá chung về ba nhóm yếu tố lý thuyết ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên

Căn cứ ý nghĩa của giá trị trung bình đối với thang đo được trình bày ở phần phương pháp phân tích số liệu và dữ liệu Bảng 1 thì yếu tố giảng viên (Mean = 3,72 và SD = 0,54) có giá trị trung bình ở mức khá cao. Sinh viên đồng thuận rằng giảng viên của trường có nhiều yếu tố ở mức độ tốt. Còn yếu tố cơ sở vật chất (Mean = 3,56 và SD = 0,62) thì được hầu hết sinh viên đánh giá tốt có thể đáp ứng được yêu cầu học tập.

Bảng 1. Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các yếu tố lý thuyết ảnh hưởng đến kết quả học tập

	N	Mean	Std. Deviation
--	---	------	----------------

Giảng viên	855	3,72	0,54
Cơ sở vật chất	855	3,56	0,62
Valid N (listwise)	855		

Bảng 2 cho thấy, đối với nhận định về giảng viên thì tỷ lệ rất cao (567 sinh viên, 66,3%) đồng ý là giảng viên của trường tốt. Tuy nhiên, một bộ phận đáng kể (33,1%) sinh viên có những mong đợi nhiều hơn ở giảng viên. Về cơ sở vật chất thì đa số (376 sinh viên, 53,5%) sinh viên nhận định cơ sở vật chất nhà trường đã đáp ứng được yêu cầu học tập. Bên cạnh đó, khá nhiều sinh viên cho rằng cơ sở vật chất ở mức cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập và nhà trường cần đầu tư thêm (376 sinh viên, 44,0%).

Bảng 2. Phân loại mức độ đánh giá của sinh viên về các yếu tố lý thuyết

		Count	%
Giảng viên	Giảng viên chưa đáp ứng yêu cầu	5	0,6
	Bình thường, cần cải thiện thêm	283	33,1
	Giảng viên đáp ứng tốt yêu cầu	567	66,3
Cơ sở vật chất	Cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu	22	2,6
	Bình thường, cần cải thiện thêm	376	44,0
	Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu	457	53,5

4.3. Đánh giá mối tương quan giữa các yếu tố lý thuyết và kết quả học tập

4.3.1. Tương quan giữa giảng viên và kết quả học tập

Kết quả phân tích tương quan giữa hai biến số giảng viên và kết quả học tập ở Bảng 3 cho thấy có mối tương quan mạnh giữa yếu tố giảng viên và kết quả học tập của sinh viên (với mức ý nghĩa sig. = 0,05). Kết quả này phù hợp với nhận định của các nhà nghiên cứu khác trong lĩnh vực này. Nhiều nhà nghiên cứu, trong đó có Lim và Morris [19], Deborah [20], Nguyễn Công Toàn và ctv [14], đều khẳng định tầm quan trọng của yếu tố giảng viên đến thành tích học tập. Chất lượng và phương pháp giảng dạy, trình độ và sự hỗ trợ của giảng viên liên quan tích cực đến kết quả của quá trình học tập. Nghiên cứu này một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của giảng viên đối với chất lượng và thành tích học tập của sinh viên và giảng viên là một yếu tố không thể tách rời trong việc nâng cao chất lượng và thành tích học tập của sinh viên.

Bảng 3. Tương quan giữa giảng viên và kết quả học tập

		Điểm trung bình tích lũy (thang điểm 10)	Giảng viên
Điểm trung bình tích lũy (thang điểm 10)	Pearson Correlation	1	0,84*
	Sig. (2-tailed)		0,02
	N	745	745
Giảng viên	Pearson Correlation	0,84*	1
	Sig. (2-tailed)	0,02	
	N	745	855

*. Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

4.3.2. Tương quan giữa cơ sở vật chất và kết quả học tập

Kết quả phân tích tương quan giữa hai biến số cơ sở vật chất và kết quả học tập ở Bảng 4 cho thấy, không có tương quan giữa cơ sở vật chất và kết quả học tập của sinh viên. Điều này cho thấy rằng việc đầu tư vào cơ sở vật chất có thể cải thiện môi trường học tập nhưng không có tác động trực tiếp đến kết

quả học tập của sinh viên. Kết quả này có khác biệt với một số kết quả nghiên cứu khác như Zahid Khan [6] cho rằng một trong những yếu tố là thiết bị nghe nhìn trực quan trong phòng học có ảnh hưởng đến thành tích học tập. Ở Việt Nam, nghiên cứu của Lê Đình Hải [21] cũng chỉ ra rằng một trong 7 yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập đó là tài nguyên nhà trường.

Bảng 4. Tương quan giữa cơ sở vật chất và kết quả học tập

		Điểm trung bình tích lũy (thang điểm 10)	Cơ sở vật chất
Điểm trung bình tích lũy (thang điểm 10)	Pearson Correlation	1	-0,07
	Sig. (2-tailed)		0,06
	N	745	745
Cơ sở vật chất	Pearson Correlation	-0,07	1
	Sig. (2-tailed)	0,06	
	N	745	855

4.4. Đánh giá mối tương quan giữa các yếu tố gia đình và kết quả học tập

4.4.1. Trình độ học vấn của ba, mẹ và kết quả học tập

Kết quả phân tích ANOVA ở Bảng 5 và 6 cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa trình độ học vấn của ba mẹ và kết quả học tập.

Bảng 5. Phân tích ANOVA giữa trình độ học vấn của ba và kết quả học tập

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	20,15	5	4,03	2,124	0,06
Within Groups	1607,19	847	1,90		
Total	1627,34	852			

Bảng 6. Phân tích ANOVA giữa trình độ học vấn của mẹ và kết quả học tập

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	17,81	5	3,56	1,875	0,10
Within Groups	1609,53	847	1,90		
Total	1627,34	852			

4.4.2. Tình trạng hôn nhân của ba, mẹ và kết quả học tập

Kết quả phân tích ANOVA ở Bảng 7 cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa tình trạng hôn nhân của ba, mẹ và kết quả học tập.

Bảng 7. Phân tích ANOVA giữa tình trạng hôn nhân của ba, mẹ và kết quả học tập

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	0,553	4	0,14	0,072	0,99
Within Groups	1626,79	848	1,92		
Total	1627,34	852			

4.4.3. Điều kiện kinh tế của gia đình và kết quả học tập

Kết quả phân tích ANOVA ở Bảng 8 cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa điều kiện kinh tế của gia đình và kết quả học tập.

Bảng 8. Phân tích ANOVA giữa điều kiện kinh tế của gia đình và kết quả học tập

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	7,66	3	2,55	1,34	0,26
Within Groups	1619,68	849	1,91		
Total	1627,34	852			

4.5. Sự khác biệt về kết quả học tập theo các yếu tố nhân khẩu học

4.5.1. Kết quả học tập và giới tính

Kết quả phân tích cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kết quả học tập giữa sinh viên nam và sinh viên nữ. Theo đó sinh viên nữ có kết quả học tập trung bình cao hơn sinh viên nam với sự khác biệt về giá trị trung bình là 0,38. Điều này cho thấy rằng giới tính là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên.

Kết quả này tương đồng với kết quả một số nghiên cứu khác như của Doo Hun Lim và Michael Lane Morris [19], Nguyễn Công Toàn và ctv [14]. Cả hai nghiên cứu đều chỉ ra rằng giới tính là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Sự so sánh với các nghiên cứu khác cho thấy rằng kết quả của nghiên cứu này có tính xác thực và có thể áp dụng cho những trường hợp tương tự. Thông tin này cũng cho thấy rằng giới tính là một yếu tố quan trọng trong kết quả học tập của sinh viên và nên được xem xét trong các nghiên cứu liên quan.

Bảng 9. Sự khác biệt về kết quả học tập theo giới tính

	Giới tính	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Kết quả học tập	Nam	365	2,22	1,02	0,05
	Nữ	490	2,59	1,01	0,05

4.5.2. Kết quả học tập và nơi thường trú

Kết quả phân tích cho thấy không có sự khác biệt về kết quả học tập giữa sinh viên sống ở khu vực thành thị và sinh viên sống ở khu vực nông thôn.

Bảng 10. Sự khác biệt về kết quả học tập theo nơi thường trú

	Nơi thường trú (hộ khẩu):	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Kết quả học tập	Nông thôn	549	2,47	0,99	0,04
	Thành thị	306	2,36	1,10	0,06

5. Kết luận

Nghiên cứu định lượng này được thực hiện nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thành tích học tập của sinh viên, thực hiện tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng các yếu tố thuộc về giảng viên được đánh giá ở mức độ tốt. Về cơ sở vật chất (Mean = 3,56) trang bị cho dạy và học thì được hầu hết sinh viên đánh giá có thể đáp ứng được yêu cầu học tập.

Kết quả phân tích tương quan xác định yếu tố giảng viên có mối tương quan mạnh đến thành tích học tập của sinh viên (với mức ý nghĩa sig = 0,05); yếu tố cơ sở vật chất và thành tích học tập của sinh viên không có mối tương quan tuyến tính. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy không có sự khác biệt có

ý nghĩa thống kê giữa tình trạng hôn nhân của ba mẹ, kinh tế gia đình, trình độ học vấn của ba mẹ và kết quả học tập. Ngoài ra có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kết quả học tập giữa sinh viên nam và sinh viên nữ trong mẫu khảo sát nhưng không có sự khác biệt khi xét đến khu vực sinh sống của sinh viên là thành thị hay nông thôn.

Kết quả nghiên cứu là cơ sở để các thành phần liên quan như nhà trường, sinh viên, giảng viên, gia đình có giải pháp phù hợp cho hoạt động dạy và học để thành tích học tập của sinh viên ngày càng nâng cao hơn nữa.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi: Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, tên đề tài: Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thành tích học tập của sinh viên trường đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, mã số đề tài: CS-CB22-NNSP-02.


Xung đột lợi ích

Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích trong bài báo này.


TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] B. A. Beno, "The role of student learning outcomes in accreditation quality review," *New Dir. community Coll.*, vol. 2004, no. 126, pp. 65–72, 2004.
- [2] M. S. Farooq, A. H. Chaudhry, M. Shafiq, and G. Berhanu, "Factors affecting students' quality of academic performance: a case of secondary school level," *J. Qual. Technol. Manag.*, vol. VII, no. II, pp. 01–14, 2011.
- [3] N. T. T. An, N. T. N. Thu, D. T. K. Oanh, and N. V. Thanh, "Influential Factors on the Academic Performance of First and Second-year Students at Can Tho University of Sciences and Technology," (in Vietnamese), *Journal of Science, Can Tho University*, no. 46, pp. 82–89, 2016.
- [4] F. Ghebreorgis, "Factors Affecting Academic Performance of Students in Higher Education in Eritrea," *Int. J. Educ. Res.*, vol. 1, no. 1, pp. 1–123, 2020.
- [5] B. Duwal and L. Khonju, "Factors Affecting Students' Academic Performance: The Case of Students at Community Colleges in Bhaktapur District," *Int. Res. J. Manag. Sci.*, vol. 5, no. 1, pp. 23–38, 2021, doi: 10.3126/irjms.v5i1.35859.
- [6] Z. Khan, "The Factors Affecting the Students' Performance: A Case Study of University of Malakand, Pakistan," *City Univ. Res. J.*, vol. 3, no. 1, pp. 22–38, 2012.
- [7] E. Kim, "Effect of discussion activities and interactions with faculty to mediate self-directed learning capability on learning outcomes of college students," *KEDI J. Educ. Policy*, vol. 12, no. 2, 2015.
- [8] K. Mushtaq, M. Hussain, M. Afzal, and S. A. Gilani, "Factors Affecting the Academic Performance of Undergraduate Student Nurses," *Natl. J. Heal. Sci.*, vol. 4, no. 2, pp. 71–79, 2019, doi: 10.21089/njhs.42.0071.
- [9] F. Asif and H. Safdar, "Factors Affecting the Performance of School Students : A Case Study of BAHAWALPUR," *Elem. Educ. Online*, vol. 19, no. 3, pp. 3650–3660, 2020, doi: 10.17051/ilkonline.2020.03.258.
- [10] I. Mushtaq, S. Nawaz, K. Mohammad, A. Jinnah, and S. N. Khan, "Factors Affecting Students' Academic Performance," *Type Double Blind Peer Rev. Int. Res. J. Publ. Glob. Journals Inc*, vol. 12, 2012, [Online]. Available: <https://www.academia.edu/Jobs>.
- [11] F. Alshammari, R. Saguban, E. Pasay-an, A. Altheban, and L. A. Shammari, "Factors affecting the academic performance of student nurses: A cross-sectional study," *J. Nurs. Educ. Pract.*, vol. 8, no. 1, p. 60, 2017, doi: 10.5430/jnep.v8n1p60.
- [12] E. Dalzell, N. Ehambaranathan, S. Murugasu, A. Steele, and K. Tani, "Evaluation of factors affecting students' performance in tertiary education," *J. Pedagog. Res.*, vol. 3, no. 2, pp. 1–10, 2019, doi: 10.33902/jpr.2019252504.
- [13] A. Mahmud, S. C. Antor, and A. A. Zabir, "Factor Affecting the Academic Performance of University Students: Evidence From Sylhet," *Soc. Work Educ.*, vol. 7, no. 3, pp. 373–382, 2020, doi: 10.25128/2520-6230.20.3.11.
- [14] N. C. Toan, T. M. Tri, H. V. Hau, N. T. C. Hong, and N. V. Quan, "Factors influencing the academic performance of undergraduate students majoring in Rural Development at Can Tho University," (in Vietnamese), *Journal of Science, Can Tho University*, no. 39, pp. 74–81, 2015.
- [15] J. C. Nunnally, "An overview of psychological measurement," *Clin. diagnosis Ment. Disord. A Handb.*, pp. 97–146, 1978.
- [16] R. A. Peterson, "A meta-analysis of Cronbach's coefficient alpha," *J. Consum. Res.*, vol. 21, no. 2, pp. 381–391, 1994.
- [17] S. F. Slater, "Issues in conducting marketing strategy research," *J. Strateg. Mark.*, vol. 3, no. 4, pp. 257–270, 1995.
- [18] J. Carifio and R. J. Perla, "Ten common misunderstandings, misconceptions, persistent myths and urban legends about Likert scales and Likert response formats and their antidotes," *J. Soc. Sci.*, vol. 3, no. 3, pp. 106–116, 2007.
- [19] D. H. Lim and M. L. Morris, "Learner and instructional factors influencing learning outcomes within a blended learning environment," *J. Educ. Technol. Soc.*, vol. 12, no. 4, pp. 282–293, 2009.
- [20] D. Purwanti, H. Puspita, and M. Puspita, "the Correlation Between English Learning Motivation and English Proficiency Achievement of English Study Program Students," *J. English Educ. Teach.*, vol. 3, no. 1, pp. 79–94, 2019, doi: 10.33369/jeet.3.1.79-94.
- [21] L. D. Hai, "Applying exploratory factor analysis method to identify factors influencing the academic performance of students in the Faculty of Economics and Business Administration, Lam Nghiep University," (in Vietnamese), *Journal of Science and Technology in Forestry*, vol. 2, pp. 142–152, 2016.



Ho Van Cong Nhan received the Master Degree in Agricultural Science in 2012 and the Bachelor of Technical Education in 2009 from Nong Lam University – Ho Chi Minh City. Currently, he is a lecturer of the Department of Technical Education, Faculty of Foreign Languages and Technical Education, Nong Lam University – Ho Chi Minh City. His main research areas consist of professional development for teachers and student teachers, teaching methodology and student assessment. :  <https://orcid.org/0000-0006-4711-5691>
Email: nhan.hovancong@hcmuaf.edu.vn



Vo Van Viet received the PhD Degree in in Educational Managemant from Bulacan State University, the Philippines and the Master of Social Developemt from Ateneo de Manila University, the Philippines. Currently, he is a lecturer and head of the Department of Technical Education, Faculty of Foreign Languages and Technical Education, Nong Lam University – Ho Chi Minh City. His main research areas consist of educational service quality, student's attitude, motivation, skills and learning strategies. ORCID:  <https://orcid.org/0000-0002-1491-0174>
Email: vvviet@hcmuaf.edu.vn



Huynh Trung Chanh received the Master Degree in TESOL in 2008 from University of Canberra, Australia. Currently, he is a lecturer of the Faculty of Foreign Languages and Technical Education, Nong Lam University – Ho Chi Minh City. His main research areas consist of Teaching English as a second language, technology in language teaching and professional development for teachers and students.
Email: htchanh@hcmuaf.edu.vn